

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Bản án số: 89/2022/HS-ST

Ngày: 27-9-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Vân**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông: **Lường Văn Hưởng**

2. Ông: **Lù Văn Hùng**

*Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Tuấn Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:*  
**Ông Phạm Duy Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 82/2022/TLST-HS, ngày 31 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXXST – HS ngày 13 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo: Họ và tên: **Lò Văn T**; Tên gọi khác: Không; sinh năm: 1994 tại huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản B, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 09/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Lò Văn T1 (Đã chết) và bà Tòng Thị L, sinh năm 1966; Bị cáo có vợ là Lường Thị L1, sinh năm 1990 có 02 người con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021, Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 22/7/2013 bị Tòa án nhân dân huyện M xử phạt 07 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, ngày 01/10/2018 chấp hành xong về địa phương sinh sống, đã được xóa án tích; Chưa bị xử lý hành chính; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2022 cho đến ngày xét xử, bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T:* Bà Nguyễn Thị Thu H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

*Bị hại:* Công ty TNHH thương mại và xây dựng X.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Đức G – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Xuân M.

Địa chỉ: Số nhà Y, tổ dân phố Z, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người làm chứng:*

+ Chị Phạm Thị L1n, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Tổ dân phố R, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt không lý do).

+ Anh Tòng Văn D, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Bản L, xã M2, huyện M, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt không lý do).

+ Bà Tòng Thị Lanh, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Bản B, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt không lý do).

+ Anh Vương Quốc Trường, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Bản C, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Có mặt).

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì hành vi phạm tội của Lò Văn T được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 14/6/2022 tại khu vực đường 42m thuộc bản H, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Điện Biên, Lò Văn T phát hiện tại cột điện số 165 có một đường dây điện 3 pha ký hiệu Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-U 20/35(40.5)KV 3X70 (bằng đồng 1x0.127mm, vỏ cam) của Công ty TNHH thương mại và xây dựng X đang thi công chưa được đấu điện, T đã nảy sinh ý định chặt đoạn dây điện để lấy lõi đồng bán. Sau đó T đi về nhà chuẩn bị 01 con dao, 01 bao tải màu vàng, 01 ba lô màu đen. Đến khoảng 01 giờ ngày 15/6/2022 T đi ra cột điện 165 trèo lên cột điện dùng dao tước các lớp vỏ dây điện 3 pha đến 03 sợi dây lõi bên trong và chặt đứt 03 sợi lõi có chiều dài 4,33m. Sau khi chặt xong T mang 03 sợi lõi đã chặt được ra khu vực bờ suối thuộc bản Hón, thị trấn M và dùng dao tước lớp vỏ nhựa của các sợi dây điện để lấy dây đồng bên trong. T tước được 02 đoạn, đến đoạn thứ 3 thì trời sắp sáng, sợ bị phát hiện T chặt đoạn dây đồng đã tước thành 02 đoạn còn một nửa đoạn dây chưa tước T ném xuống suối và gấp các đoạn dây đồng đã tước cho vào bao tải rồi cho vào ba lô đi về. Khi về đến khu vực UBND huyện M, T giấu ba lô vào bụi cỏ và đi về nhà. Đến khoảng 18 giờ ngày 16/6/2022 T nhờ một người đàn ông tên Sơn làm xe ôm chở đến khu vực bụi cỏ cất giấu chiếc ba lô và lấy chiếc ba lô chở về nhà mẹ đẻ của T (bà Tòng Thị L1, trú tại bản B, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên). Tại nhà bà Lanh, T bảo bà L1 lúc nào đi bán sắt vụn mang bán hộ T ít dây đồng trong ba lô, bà Lanh cầm ba lô đi vào đồng sắt vụn. Đến khoảng 12 giờ 30 phút ngày 17/6/2022 Tòng Văn D1 đến nhà bà L1 thì bà L1 có nhờ Dg chở ba lô có dây đồng bên trong xuống cửa hàng mua bán sắt vụn của chị Phạm Thị L2, trú tại: Tổ dân phố X, thị trấn M1, huyện M để bán. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, T biết chiếc ba lô có đựng dây đồng bên trong đã bị Công an thị trấn M phát hiện thu giữ, T đã bỏ trốn đến ngày 27/6/2022 T đã ra Công an huyện M tự thú.

Ngày 27/6/2022 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS kết luận 01 đoạn dây điện dài 4,33m Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 20/35 (40.5)KV 3x70 (bằng đồng 1x0,127mm, vỏ cam bên trong 03 lõi dây kim loại màu đỏ nâu) có giá trị là 4.191.440 đồng.

Ngày 29/6/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện M quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định khởi tố bị can đối với Lò Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại Cáo trạng số: 61/CT-VKSMA ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện M để xét xử bị cáo Lò Văn T về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật đã áp dụng như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 01 năm **đến 01 năm 02** tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: Các Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Lò Văn T phải bồi thường cho Công ty TNHH thương mại và xây dựng X số tiền 4.191.440 đồng (*Bốn triệu, một trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng*).

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy: 01 bao tải xác rắn màu vàng cũ đã qua sử dụng; 01 ba lô màu đen có quai đeo gồm ba ngăn cũ đã qua sử dụng; 01 con dao chặt đầu bằng có tổng chiều dài 48 cm, phần thân dao bằng kim loại màu đen dài 38,5 cm, bản rộng 05 cm; dày 0,6 cm, phần cán dao bằng gỗ tròn dài 9,5 cm, đường kính 3 cm, phần cán dao bên ngoài cuốn bằng dây cao su đen; 01 đoạn vỏ cao su màu xám hình trụ tròn trên thân có các vành hình tròn; 01 đoạn vỏ dây cao su màu đen dài 323 cm; 04 đoạn dây kim loại màu nâu đỏ được lện lại bằng 19 sợi dây kim loại màu nâu đỏ có tổng trọng lượng 6,2 kg.

Căn cứ: khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

- Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật ông Đặng Xuân Mừng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Lò Văn T bồi thường cho Công ty TNHH thương mại và xây dựng X số tiền 4.191.440 đồng (*Bốn triệu một trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng*), ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T nhất trí với nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo Lò Văn T về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự thú nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất mức đề nghị của đại diện viện kiểm sát. Bị cáo Lò Văn T là người đồng bào dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí. Đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí HSST cho bị cáo.

Bị cáo Lò Văn T nhất trí nội dung bản luận cứ của người bào chữa.

Thực hiện lời nói sau cùng, Lò Văn T nhận phạm tội: Trộm cắp tài sản và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Xét hành vi phạm tội của bị cáo:* Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 15/6/2022 tại cột điện số 165 khu vực đường 42m thuộc bản H, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Điện Biên, lợi dụng sự thiếu cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản đang trong quá trình thi công để bàn giao cho chủ đầu tư và chưa đấu điện, Lò Văn T đã dùng dao cắt trộm 4,33m dây điện 3 pha Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-U 20/35(40.5)KV 3X70 (Bằng đồng 1x0.127mm, vỏ cam bên trong 03 lõi dây kim loại màu đỏ nâu) trị giá 4.191.440 đồng của Công ty TNHH thương mại, xây dựng X với mục đích lấy lõi dây đồng bên trong để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Sau khi chặt xong dây đồng T cắt giấu vào trong ba lô và mang về nhà mẹ đẻ bà Lò Thị Lanh tại bản B, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên để nhờ mẹ bán hộ. Đến ngày 17/6/2022 khi T biết chiếc ba lô có chứa dây đồng bên trong đã bị Công an thị trấn M phát hiện thu giữ, T đã bỏ trốn đến ngày 27/6/2022 T đã ra Công an huyện M tự thú.

Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của bị hại cũng như nội dung Kết luận điều tra và Cáo trạng. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lò Văn T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố và kiểm sát viên luận tội là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Lò Văn T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[2]. Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến phong trào phòng chống các tệ nạn xã hội ở địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo Lò Văn T sinh ra và lớn lên tại huyện M, tỉnh Điện Biên được bố mẹ cho đi học đến lớp 09/12 ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Ngày 22/7/2013 bị Tòa án nhân dân huyện M xử phạt 07 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, ngày 01/10/2018 chấp hành xong về địa phương sinh sống, đã được xóa án tích. Bị cáo là một người chồng, người cha, trụ cột trong gia đình, đã đi chấp hành án về nhưng do thiếu ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lười lao động để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên đã bất chấp pháp luật, đi vào con đường phạm tội. Bị cáo đã nén lút, lợi dụng các chủ sở hữu tài sản sơ hở trong quản lý tài sản, chủ quan, đã trộm cắp tài sản để tiêu sài cá nhân và mua ma túy để sử dụng. Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, khi chưa phát hiện đã tự thú, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm r, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội để cải tạo giáo dục bị cáo và cũng là cơ hội để bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại điều 52 của BLHS.

Theo khoản 5 Điều 173 BLHS quy định bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng tiền. Tuy nhiên, xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo thuộc hộ nghèo, thu nhập chủ yếu

từ làm ruộng nên không có khả năng thi hành. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 23/8/2022 anh Đỗ Văn Hưng là người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của bị hại (Công ty TNHH thương mại và xây dựng X) theo Giấy ủy quyền ngày 17/8/2022 đề nghị Lò Văn T phải bồi thường cho bị hại số tiền 321.478.400 đồng (ba trăm hai mươi một triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn, bốn trăm đồng). Tuy nhiên đến ngày 19/9/2022 anh Đặng Xuân Mừng là người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của bị hại (Công ty TNHH thương mại và xây dựng X) theo Giấy ủy quyền ngày 19/9/2022 đề nghị Lò Văn T phải bồi thường cho bị hại số tiền 4.191.440 đồng. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của anh Đặng Xuân Mừng. Buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty TNHH thương mại và xây dựng số tiền 4.191.440 đồng.

[5] Về vật chứng: 01 bao tải xác rắn màu vàng cũ đã qua sử dụng; 01 ba lô màu đen có quai đeo gồm ba ngăn cũ đã qua sử dụng; 01 con dao chặt đầu bằng có tổng chiều dài 48 cm, phần thân dao bằng kim loại màu đen dài 38,5 cm, bản rộng 05 cm; dày 0,6 cm, phần cán dao bằng gỗ tròn dài 9,5 cm, đường kính 3 cm, phần cán dao bên ngoài cuốn bằng dây cao su đen; 01 đoạn vỏ cao su màu xám hình trụ tròn trên thân có các vành hình tròn; 01 đoạn vỏ dây cao su màu đen dài 323 cm; 04 đoạn dây kim loại màu nâu đỏ được lện lại bằng 19 sợi dây kim loại màu nâu đỏ có tổng trọng lượng 6,2 kg không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo Lò Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng bị cáo thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí HSST và DSST có giá ngạch cho bị cáo.

[7] Về đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát; người bào chữa cho bị cáo là phù hợp nên HĐXX cần chấp nhận.

[8] Bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Trong quá trình điều tra, truy tố thấy rằng: Các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Người bào chữa cho bị cáo đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Lò Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 6 năm 2022.

2. *Vật chứng:* Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy: 01 bao tải xác rắn màu vàng cũ đã qua sử dụng; 01 ba lô màu đen có quai đeo gồm ba ngăn cũ đã qua sử dụng; 01 con dao chặt đầu bằng có tổng chiều dài 48 cm, phần thân dao bằng kim loại màu đen dài 38,5 cm, bản rộng 05 cm; dày 0,6 cm, phần cán dao bằng gỗ tròn dài 9,5 cm, đường kính 3 cm, phần cán dao bên ngoài cuốn bằng dây cao su đen; 01 đoạn vỏ cao su màu xám hình trụ tròn trên thân có các vành hình tròn; 01 đoạn vỏ dây cao su màu đen dài 323 cm; 04 đoạn dây kim loại màu nâu đỏ được lện lại bằng 19 sợi dây kim loại màu nâu đỏ có tổng trọng lượng 6,2 kg.

(Chi Cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Điện Biên đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/8/2022).

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ các Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Lò Văn T phải bồi thường cho Công ty TNHH thương mại và xây dựng X số tiền 4.191.440 đồng (Bốn triệu, một trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**5. Án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Lò Văn T.

**6. Về quyền kháng cáo đối với bản án:** Căn cứ Điều 331, Điều 333 BLTTHS: Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Điện Biên;
- VKS tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- STP tỉnh Điện Biên;
- Công an huyện M;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hs;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Vân**